TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2021
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Hòa
2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bạch Hoàng Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th Th, sinh năm 1997
Nơi cư trú: Khu phố A, phường M, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Trương Tấn T, sinh năm 1992
Nơi cư trú: Khu phố B, phường M, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt bà Th, ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th Th và ông Trương Tấn T tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Mũi Né, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào năm 2015.

Sau khi chung sống do không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cách sống cũng như sinh hoạt hàng ngày, bản thân bị áp lực và trầm cảm khi sống bên nhà chồng. Từ tháng 11/2020 do không sống chung được nên bà Th về nhà chị gái sống cho đến nay. Kể từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông T.

Về con chung: Bà Th khai giữa ba và ông T có 03 con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày 18/4/2017; Trương Bích N, sinh ngày 18/4/2017 và Trương Hải Đ, sinh ngày 19/7/2019. Sau khi ly hôn bà Th đồng ý giao cháu Bảo N và cháu Bích N cho ông T nuôi; còn bà Th yêu cầu được nuôi cháu Hải Đ; chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung và nợ chung: Bà Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trương Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần cũng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T cũng không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến của mình.

Vụ án không hòa giải được do ông T không đến tòa.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th Th được ly hôn với ông Trương Tấn T; Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày 18/4/2017; Trương Bích N, sinh ngày 18/4/2017 và Trương Hải Đ, sinh ngày 19/7/2019; Giao cháu Trương Bảo N và cháu Trương Bích N cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Trương Hải Đ cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Do ông T, bà Th chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét; Về T chung và nợ chung: Bà Th chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Bà Nguyễn Thị Th Th yêu cầu ly hôn ông Trương Tấn T và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Bị đơn ông Trương Tấn T cư trú tại khu phố B, phường M, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trương Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên

tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Th, ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà Nguyễn Thị Th Th và ông Trương Tấn T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 241 quyển số 02 ngày 21/11/2015 tại UBND phường Mũi Né, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà Th là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà Th trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Sau khi chung sống do không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cách sống cũng như sinh hoạt hàng ngày, bản thân bị áp lực và trầm cảm khi sống bên nhà chồng. Từ tháng 11/2020 do không sống chung được nên bà Th về nhà chị gái sống cho đến nay. Kể từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông T.

Theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*; theo khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*; Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau"* và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*".

Từ quy định được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Th và ông T không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và cũng không còn giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau; Dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau nên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 và Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn không có mặt chứng tỏ ông đã khước từ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu ly hôn của bà Th là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] ***Về con chung***: Bà Th khai giữa bà và ông T có 03 con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày 18/4/2017; Trương Bích N, sinh ngày 18/4/2017 và Trương Hải Đ, sinh ngày 19/7/2019. Bà Th đồng ý giao cháu Bảo N và cháu Bích

N cho ông T nuôi; còn bà Th yêu cầu được nuôi cháu Hải Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Do cháu Bảo N, cháu Bích N và cháu Hải Đ đều còn nhỏ chưa thể xem xét nguyện vọng của các cháu sống với cha hay sống với mẹ; trong đó cháu Hải Đ còn dưới 36 tháng tuổi, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trường trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Kể từ khi khởi kiện cho đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bà Th đều đồng ý giao cháu Bảo N, cháu Bích N cho ông T nuôi và bà Th yêu cầu được nuôi cháu Hải Đ, mặc dù ông T vắng mặt tại phiên họp nhưng đã được Tòa án thông báo kết quả phiên họp nhưng cũng không có ý kiến. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Bảo N, cháu Bích N cho ông T và giao cháu Hải Đ cho bà Th trực tiếp nuôi là phù hợp, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] ***Về T sản chung và nợ chung***: Bà Th chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] ***Về án phí:*** Bà Nguyễn Thị Th Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 21, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th Th.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th Th được ly hôn với ông Trương Tấn T.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày 18/4/2017; Trương Bích N, sinh ngày 18/4/2017 và Trương Hải Đ, sinh ngày 19/7/2019. Giao cháu Bảo N, cháu Bích N cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Hải Đ cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà Nguyễn Thị Th Th và ông Trương Tấn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà Th, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về T sản chung và nợ chung: Bà Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ngày 17/3/2021 bà Th đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003764 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Th Th, ông Trương Tấn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

QUÁCH VĂN HOÀNG